

Bản tin tuần

Tuần từ 10/1 đến 14/1 năm 2011

Địa chỉ liên hệ:
Ban Phân tích
Email: research@psi.vn
Website: <http://psi.vn>

CTCP CK Dầu khí (PSI)

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu

ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26;

Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng –

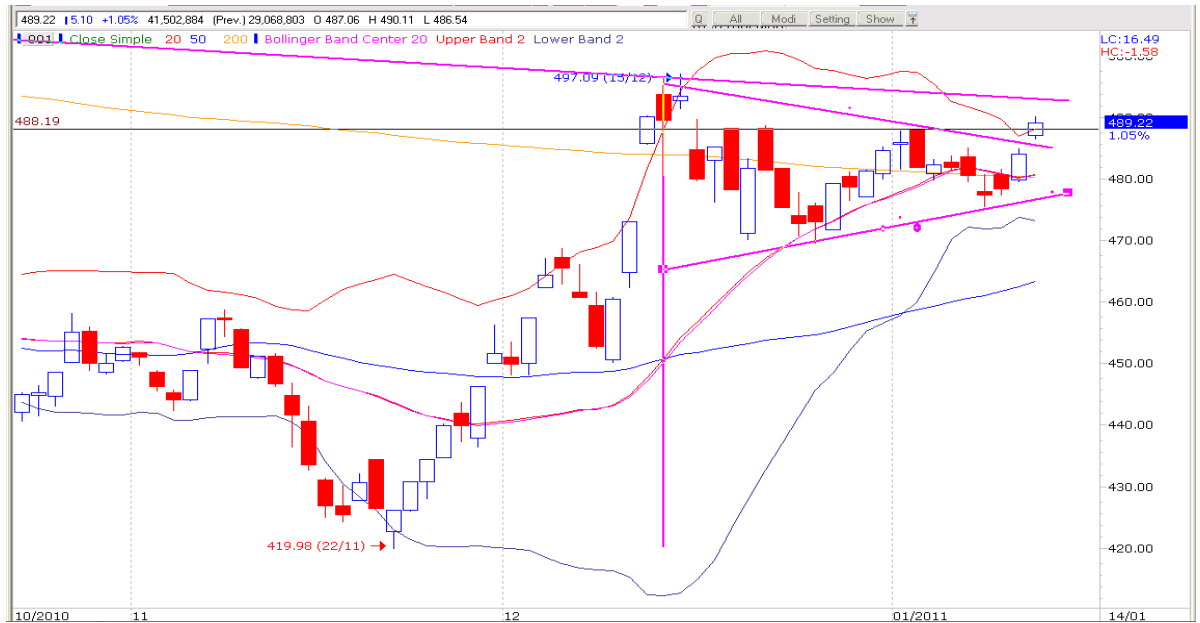
ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Trang 2
HSX	Trang 2
HNX	Trang 3
II. KINH TẾ VĨ MÔ	Trang 5
1. Tin Kinh tế	Trang 5
2. Thị trường tiền tệ	Trang 7
III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH	
Thống kê giao dịch theo tuần	Trang 11
Thống kê giao dịch phiên cuối tuần	Trang 12
Lịch sự kiện	Trang 14

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

HSX:

**Gặp
kháng cự
mạnh tại
493 điểm**



VN-Index có một tuần hồi phục nhẹ sau khi giảm xuống mức 482 điểm vào tuần đầu tiên của năm 2011. Chỉ số liên tiếp giảm trong 2 phiên giao dịch đầu tuần, đồng thời thanh khoản giảm sút mạnh khi cả bên mua và bên bán đều tỏ ra hờ hững với thị trường. Trong những phiên giao dịch cuối tuần, lực cầu được cải thiện khiến VN-Index hồi phục trở lại và đóng cửa tại các mức điểm cao trong phiên. Kết thúc tuần 2, VN-Index tạm dừng tại 489,22 điểm, tăng 7,36 điểm, tương đương với mức tăng 1,53% so với tuần trước. Mặc dù chỉ số đóng cửa tăng so với tuần trước, thanh khoản vẫn ở mức thấp với 181 triệu đơn vị, tương ứng với 4.610,5 tỷ đồng giá trị giao dịch.

Trong phiên giao dịch cuối tuần, chỉ số tăng nhẹ từ đầu phiên và tăng mạnh hơn về cuối phiên khi lực cầu tiếp tục được củng cố. VN-Index đóng cửa tăng 4,8 điểm, tương đương với mức tăng 1,05% so với phiên trước. Tại thời điểm đóng cửa, số cổ phiếu tăng giá chiếm chủ đạo với 159 mã, trong khi có 59 mã đứng giá và 54 mã giảm giá. Các cổ phiếu blue-chips như BVH, FPT, ITA, KBC tăng trần trong khi VIC giảm mạnh. Thanh khoản tăng khá mạnh so với phiên trước với 41,5 triệu đơn vị, tương đương với 1.071 tỷ đồng giá trị được chuyển nhượng.

Lượng mua ròng của khối ngoại tăng mạnh trong tuần qua với 10,9 triệu đơn vị mua ròng, tương đương với trên 277,3 tỷ đồng. Họ đẩy mạnh mua vào các cổ phiếu như HAG, PVD, DPM đồng thời cũng bán mạnh VIC, FPT, BVH...

Thị trường có một tuần giao dịch khá tốt để chào mừng đại hội Đảng. Đầu tuần sau, thị trường gặp khu vực kháng cự mạnh tại 493 điểm gần với đỉnh 497 điểm lần trước nơi có phiên giao dịch lớn thứ 2 lịch sử với 135 tr cổ phiếu giao dịch. Thị trường sẽ có sự điều chỉnh tại khu vực này và cần phải nghỉ ngơi một vài phiên. Nếu lực cầu đủ mạnh để thị trường vượt qua 493 điểm thì nhà đầu tư nên mua vào. Trong trường hợp lực cầu yếu không đủ vượt qua 493 điểm thì nhà đầu tư nên bán ra, chờ đợi thị trường điều chỉnh để mua vào. Nhà đầu tư không nên mua trong phiên thứ 2 đầu tuần mà nên đợi thị trường phản ứng tại 493 điểm để có quyết định thích hợp.

Trong bối cảnh 3-6 tháng sau, chúng tôi vẫn lạc quan vào thị trường với những điều kiện kinh tế vĩ mô sẽ được cải thiện sau đại hội đảng và lãi suất sẽ giảm từ quý II. Điều đó có nghĩa là nhà đầu tư trung - dài hạn nên mua vào cổ phiếu ở mức giá hấp dẫn.

**Phạm Bình
GD Phân tích**

HNX:

Gặp kháng cự mạnh tại 110 điểm



Tương tự như VN-Index, chỉ số HNX-Index cũng giảm điểm trong 2 phiên đầu tuần và tăng điểm nhẹ vào 3 phiên giao dịch cuối tuần. Trong tuần, chỉ số chủ yếu biến động trong khoảng 105-112 điểm. Phiên giao dịch cuối tuần, chỉ số cũng không có nhiều biến động khi duy trì mức tăng nhẹ trong phần lớn thời gian giao dịch và đóng cửa với 108,5 điểm, tăng 0,63 điểm so với phiên trước. Như vậy, những phiên hồi phục vào cuối tuần vẫn chưa đủ để mang về một tuần tăng điểm cho HNX-Index. Đóng cửa phiên cuối tuần, chỉ số giảm 1,99 điểm, tương đương với 1,8% so với mức đóng cửa tuần trước.

Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp với chỉ 137,490 triệu cổ phiếu, tương đương với 2.516,7 tỷ đồng giá trị được chuyển nhượng. Nhà đầu tư nước ngoài trong tuần qua giảm mạnh lượng mua ròng trên sàn này với chỉ 1,04 triệu đơn vị, tương đương với 24,1 tỷ đồng so với 57,2 tỷ đồng mua ròng của tuần trước. Các cổ phiếu PVX và PVS được khối ngoại đẩy mạnh cả mua vào và bán ra trong tuần.

HNX-index đang gặp phải ngưỡng kháng cự mạnh tại 110 điểm. Đây là ngưỡng kháng cự mạnh khiến thị trường không thể tăng điểm trong các phiên gần đây. Đầu tuần sau, VN-Index gặp phải kháng cự mạnh tại 493 điểm và sẽ có sự điều chỉnh ở đây. Do vậy, nhà đầu tư không nên mua đuổi cổ phiếu phiên thứ 2 đầu tuần mà nên chờ đợi VN-Index phản ứng tại 493 điểm để có quyết định phù hợp. Trong trường hợp VN-Index không thể vượt qua 493 điểm và quay lại xu hướng suy giảm thì HNX-Index có thể giảm xuống 100 điểm để hoàn thành mô hình vai-đầu-vai. Trong trường hợp, HNX-Index có thể vượt qua 110 điểm với khối lượng khá thì nhà đầu tư nên gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Tuần qua, trong 31 cổ phiếu thuộc PVN niêm yết có 10 cổ phiếu tăng giá và 21 cổ phiếu giảm giá. Các cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVV(19,72%), PGD (6,94%), PVF (4,6%). Các cổ phiếu giảm giá nhiều nhất gồm có PGS (-9,8%), PDC (-8%), PPS (-7,69%). Trung bình, nhóm cổ phiếu thuộc PVN giảm 1,5% so với tuần trước. Khối lượng giao dịch đạt 36,98 triệu cổ phiếu, tăng 43% so với tuần trước.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN tuần 2/2011:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (1 cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B*	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	18.7	1,193,300	↓ -5.08	1.41	8.04	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	11.7	1,000	↑ 4.46	1.06	37.31	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9.2	179,900	↓ -8.00	1.18	96.23	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12.5	913,500	↓ -5.30	0.55	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23.0	1,310,700	↓ -9.80	1.51	1.83	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14.0	764,900	↓ -4.11	1.20	5.79	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12.0	633,400	↓ -7.69	1.03	24.88	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13.2	1,003,100	↓ -1.49	1.14	10.27	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10.3	227,100	↓ -3.74	0.64	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	40.8	876,100	↓ -5.56	2.18	5.94	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	25.0	2,088,700	↓ -3.10	1.93	6.38	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14.8	333,500	↓ -4.52	1.31	6.24	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12.9	227,000	↓ -2.27	0.58	9.69	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17.1	511,800	↓ -2.84	1.58	7.56	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	13.8	2,060,600	↓ -1.43	1.22	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	10.9	147,500	↓ -3.54	0.62	20.50	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	21.0	1,668,200	↑ 1.45	1.73	5.50	HNX
18	PVW	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	17.0	813,400	↑ 19.72	1.40	6.61	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	20.9	10,367,800	↓ -2.79	1.39	6.74	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	37.7	2,072,560	↑ 0.80	2.55	8.71	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16.9	885,420	↓ -0.59	1.01	6.90	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	38.5	1,130,000	↑ 6.94	3.44	5.69	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11.7	640,410	↓ -4.10	0.49	12.94	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52.5	1,508,340	↑ 2.94	3.97	15.03	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	25.0	732,430	↑ 4.60	2.33	50.95	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10.3	1,091,610	↑ 1.98	0.87	40.47	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14.2	483,540	↓ -2.74	1.36	6.42	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9.4	2,105,650	↓ -6.93	0.85	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12.1	314,640	↓ -5.47	1.03	9.37	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14.8	526,730	↑ 0.68	1.39	6.36	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.0	167,650	↑ 1.01	0.85	12.60	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.4	119,200	↑ 7.55	0.00	0.00	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	4.9	23,100	↓ -5.77	0.50	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.0	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8.3	68,519	↓ -2.35	0.75	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	6.9	48,700	↓ -1.43	0.00	0.00	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	8.4	-	→ 0.00	0.84	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15.5	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

II. KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tin kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới trong tuần này tiếp tục đón các thông tin tích cực từ nền kinh tế Mỹ, đồng thời nỗi lo sợ về khủng hoảng nợ công Châu Âu cũng đã được xoa dịu phần nào khi trái phiếu của các chính phủ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Ý vẫn thu hút được nhà đầu tư. Châu Á trong tuần không đón nhận nhiều tin mới.

Chỉ số	Tuần trước*	Tuần này*	Thay đổi
Dow Jones Ind. Ave.	11,697.31	11,731.90	0.30%
S&P 500	1,273.85	1,283.76	0.78%
Nasdaq Comp.	2,709.89	2,735.29	0.94%
FTSE 100	6,019.51	6,023.88	0.07%
DAX	6,981.39	7,075.11	1.34%
CAC 40	3,904.42	3,974.83	1.80%
Nikkei 225	10,514.37	10,553.47	0.37%
Hang Seng	23,805.44	23,805.44	0.00%
Shanghai Comp.	2,824.12	2,801.12	-0.81%

* Giá đóng cửa tuần này tính tới 14:50 GMT+7 14-1-2011
Nguồn Google Finance; PSI tổng hợp

Kinh tế Mỹ: việc làm tiếp tục tăng lên, thâm hụt ngân sách giảm góp phần là bức tranh kinh tế Mỹ thêm sáng sủa

Tỷ lệ thất nghiệp tháng 12 bất ngờ giảm mạnh từ 9.8% xuống còn 9.4%, đánh dấu tốc độ sụt giảm mạnh nhất kể từ tháng 04/1998, khả quan hơn so với dự báo chỉ giảm 9.7%, thu nhập bình quân hàng giờ cũng tăng 3 cent (0.1%) lên 22.78 USD, tuy nhiên vẫn thấp hơn dự báo tăng 0.2% của các nhà kinh tế. Các chỉ số này cho thấy bức tranh kinh tế Mỹ đã có phần sáng sủa hơn. Số đơn trợ cấp thất nghiệp tuần này tăng bất ngờ tăng lên 445,000, mức cao nhất kể từ tháng 10 và vượt dự báo 415,000, Bộ Lao Động Mỹ cho rằng việc tăng vọt này là do một số đơn mới được nhập vào hệ thống sau thời gian dài nghỉ lễ.

Chính sách mở rộng định lượng QE2 tiếp tục phát huy tác dụng làm suy yếu đồng USD, hỗ trợ xuất khẩu, Giá xuất khẩu cũng tăng 0.7% trong tháng 12 này, cả năm tăng 6.5%, trong đó mặt hàng phi nông nghiệp tăng 5.1%, mức tăng mạnh nhất từ 1987. Thâm hụt thương mại tháng 11 của Mỹ thu hẹp 0.3% xuống mức thấp nhất trong 10 tháng 38.3 tỷ USD nhờ nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu sau khi giảm mạnh tới 14% trong tháng 10. Thâm hụt ngân sách tháng 12/2010 cũng được giảm hơn 10 tỷ USD so với năm 2009, dừng ở con số 80 tỷ. Đây là một con số khả quan so với thâm hụt tháng 10 và tháng 11 lần lượt là 140,43 và 150,39 tỷ USD. Tuy nhiên với thâm hụt ngân sách 1.294 năm 2010 tính đến thời điểm hiện tại, nước Mỹ đã đối diện với tình trạng chi vượt thu ròng đã suốt 27 tháng liên tiếp, dài nhất trong lịch sử. Quyết định gia hạn cắt giảm thuế thời gian gần đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây áp lực lên ngân sách. Với tốc độ tăng trưởng thâm hụt ngân sách này, các chuyên gia dự đoán nước Mỹ có thể sớm chạm ngưỡng giới hạn nợ ở 14.300 tỷ USD vào cuối quý 1/2011.

Khu vực Châu Âu: Tâm điểm kinh tế thế giới tuần này hướng về khu vực Eurozone

Nếu đầu tuần, thế giới lo ngại về kinh tế Châu Âu có thể rơi vào suy thoái kếp với nợ công khi lợi suất trái phiếu 10 năm của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chạm mức cao kỷ lục trước các cuộc đấu giá lần lượt là 5.55% và 7.14%; khả năng vỡ nợ tăng lên khi Đức, Pháp, và các quốc gia châu Âu khác gây áp lực lên Bồ Đào Nha để nước này nhận gói giải cứu có quy mô dự kiến 60-80 tỷ USD nhằm giải quyết khủng hoảng nợ. Tuy nhiên, nỗi lo này đã lần lượt được xoa dịu khi các quốc gia này tiến hành thành công việc bán trái phiếu chính phủ. Bồ Đào Nha đã bán thành công 1,25 tỷ Euro, bao gồm 650 triệu EUR trái phiếu đáo hạn vào năm 2014 và 599 triệu EUR trái phiếu đáo hạn năm 2020 với lợi suất lần lượt là 5.39% và 6.72%. Cuộc đấu giá cho thấy tại thời điểm hiện nay, Bồ Đào Nha vẫn có thể tiếp cận được tới các thị trường tài chính thế giới trong việc huy động vốn, giảm thâm hụt ngân sách.

Tây Ban Nha và Ý cũng vượt qua phép thử quan trọng về khả năng không cần gói giải cứu khẩn cấp với việc chào bán thành công 9 tỷ Euro trái phiếu. Cụ thể Chính phủ Tây Ban Nha bán 3 tỷ EUR (tương đương 3.9 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn 5 năm với lợi suất 4.54%, lực cầu vượt cung 2.1 lần, cao hơn mức 1.6 lần trong cuộc đấu giá lần trước. Chính phủ Ý bán 6 tỷ EUR (tương đương 7.9 tỷ USD) trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm và 15 năm lợi suất lần lượt 3.67% và 5.06%.

Ngày 12/1, Liên minh châu Âu (EU) đã bắt đầu kỷ nguyên quản lý kinh tế mới với việc lần đầu tiên công bố kết quả Khảo sát tăng trưởng hàng năm, trong đó đề ra các ưu tiên về ngân sách và tăng trưởng kinh tế chung cho tất cả 27 nước thành viên của tổ chức này. Khảo sát tăng trưởng là sự khởi đầu của cái gọi là Chu trình châu Âu (European Semester), được lãnh đạo EU thông qua năm 2010. Mục tiêu của chu trình này nhằm cải thiện cách thức quản lý và phối hợp giữa các nền kinh tế phụ thuộc lẫn nhau trong EU. Chu trình này kéo dài mỗi sáu tháng với kết quả là sự phối hợp lập kế hoạch ngân sách giữa các nước EU. Mỗi nước EU sau đó sẽ phải soạn thảo kế hoạch cải cách kinh tế và trình kế hoạch cải cách cho EC xem xét. Đây có thể là chính sách quan trọng và cần thiết của EU nhằm đảm bảo các nền kinh tế trong EU phát triển đồng đều, tránh tình trạng suy thoái và vỡ nợ như Hy Lạp và Ireland

Khu vực Châu Á: Hàn Quốc tăng lãi suất, Nhật Bản hỗ trợ Châu Âu giải quyết nợ là những động thái chính từ Châu Á trong tuần này

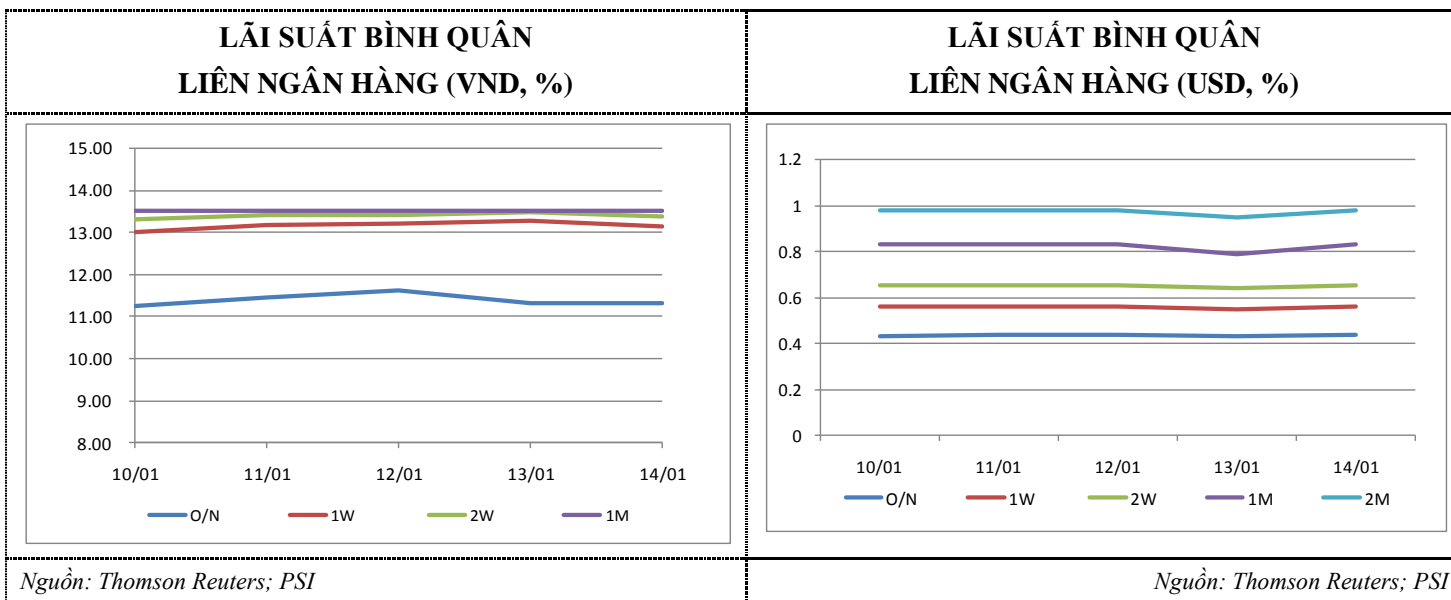
Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) nâng lãi suất thêm 0.25% lên 2.75% để kiểm soát lạm phát, trái với dự báo giữ nguyên của đa số các nhà kinh tế. Bên cạnh lý do kiểm soát lạm phát, BOK cũng đưa ra một số nguyên nhân khác như sự gia tăng giá nhà ở, sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, và sự tăng giá của đồng won. Đồng thời, thời gian sắp tới, BOK sẽ áp dụng thêm các chính sách tiền tệ nhằm giữ vững sự ổn định của giá cả. Lạm phát của Hàn Quốc năm 2011 dự báo sẽ vượt 4%.

Tương tự Trung Quốc, Nhật Bản cam kết mua trái phiếu châu Âu để hỗ trợ các nước khu vực này giải quyết khủng hoảng nợ. Trong đó Nhật Bản sẽ mua 20% trái phiếu phát hành trong chương trình hỗ trợ đặc biệt để giúp Ireland. Thông báo này của Nhật Bản đã khiến tỷ giá EUR tăng lên 1.2991 USD/EUR.

2. Kinh tế trong nước

Lãi suất

Lãi suất huy động tiền VNĐ và USD thị trường liên ngân hàng vẫn ở trên mức 11%, không có nhiều thay đổi so với tuần trước. Đây là động thái tiền đề của Ngân hàng nhà nước nhằm kiềm chế lạm phát trong thời gian sắp tới. Lãi suất huy động USD trên thị trường hàng thương mại tăng trong tuần qua. Lãi suất tiết kiệm USD cao nhất trên thị trường đã lên đến 6,1%/năm ở NH Việt Nam Tín Nghĩa, một số NH khác cũng ở quanh mức 5,8 – 6%/năm. Đây là mức lãi suất huy động USD ở một số ngân hàng quy mô nhỏ và vừa, còn những ngân hàng thương mại lớn thì mới có ngân hàng ACB cuối tuần qua điều chỉnh lên mức cao nhất là 5% kể cả lãi thường. Nguyên nhân chủ yếu là để gia tăng thị phần huy động, nhất là thời điểm giáp tết, lượng kiều hối về nhiều nên ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất đô la Mỹ để thu hút nguồn vốn này. Ngoài ra, nhu cầu vay ngoại tệ của các doanh nghiệp tăng cũng thúc đẩy việc huy động đô la Mỹ.



Thị trường vàng và ngoại hối

Vàng tăng nhiệt, tỷ giá trong tuần ổn định

Trên thế giới, nợ công Bồ Đào Nha, tình hình lạm phát của các quốc gia trên toàn thế giới khiến vàng tăng giá phần lớn các ngày trong tuần, và chỉ hạ nhiệt một chút vào cuối tuần sau khi tin tức trái phiếu chính phủ Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Ý bán thành công. Tuy nhiên, giá vàng kỳ vọng sẽ còn tăng trong thời gian tới, đặc biệt ở khu vực Châu Á do nhu cầu mua trang sức ở Trung Quốc tăng lên trong dịp Tết Nguyên Đán.

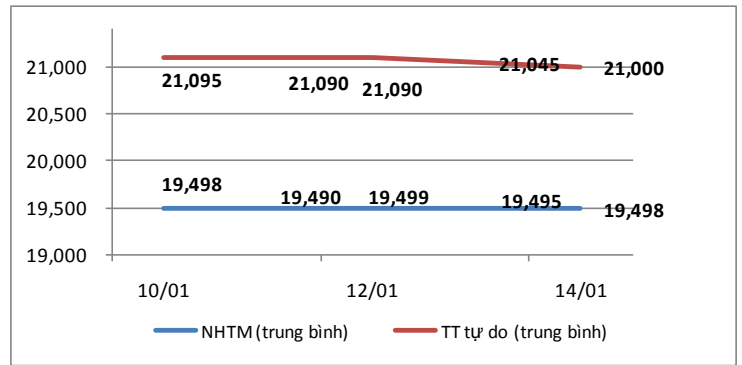
Vàng trong nước cũng tăng giảm theo xu hướng vàng thế giới, tăng mạnh nhất lên mức 35,80/35,88 (mua vào bán ra) xong đã hạ xuống tại thời điểm cuối tuần, giao dịch ở mức 35,76/35,78. này cũng ảnh hưởng đến tỷ giá đôla trong nước.

Nhu cầu mua USD đã bớt áp lực khi ngân hàng Nhà nước (NHNN), cho biết trong tháng 12, cơ quan này “can thiệp bán ngoại tệ ở mức độ thích hợp cho các nhu cầu nhập khẩu mặt hàng thiết yếu và thực hiện các biện pháp khác để ổn định thị trường ngoại hối”.

Ngoài ra, nguồn cung USD cũng được bổ sung từ lượng kiều hối cuối năm. Cộng thêm, nguồn cung USD từ lượng kiều hối cuối năm, như vậy, ngoài sự điều hoà tiếp tế từ NHNN, có thể thấy các ngân hàng bằng lãi suất đang tranh thủ hút lượng kiều hối cuối năm.

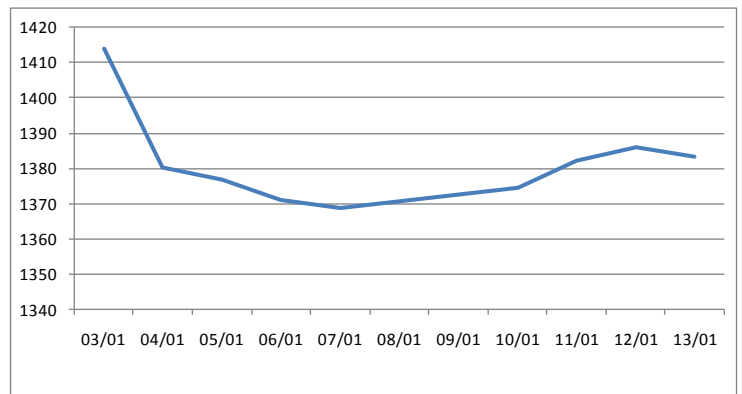
Tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do đã giảm khá nhiều so với mức tăng mạnh hồi tháng 11, hiện xuống dưới 21.030 đồng đổi một USD.

TỶ GIÁ VND/USD



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

GIÁ VÀNG

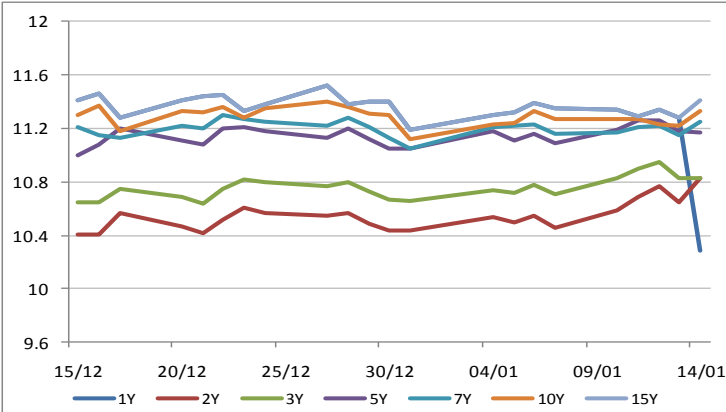


Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thị trường trái phiếu

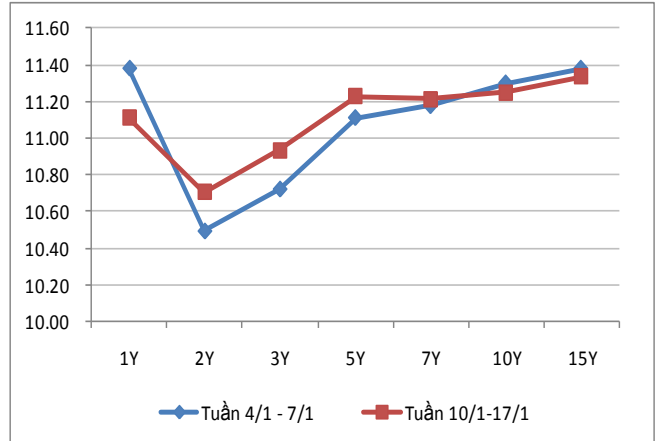
Lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình trong tuần này tiếp tục tăng nhẹ trung hạn và dài hạn, mức tăng 0.2-0.4%. Lãi suất ngắn hạn giảm nhẹ vào cuối tuần xuống, từ trung bình trên 11% xuống 10,4%. Giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX tiếp tục ở mức trung bình 40 triệu đơn vị trái phiếu được giao dịch trong tuần vừa rồi.

**LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
(BÌNH QUÂN, %)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

**BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH
PHỦ (%)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thống kê giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX

Ngày	Loại TP	Mã TP	Đáo hạn	Coupon (%)	Lợi suất cao nhất (%)	Lợi suất thấp nhất (%)	Tổng khối lượng
14/11/2011	TPCP	TP4A0706	23/02/2021	9,25	10,50	10,50	1.000.000
	TPCP	TP4A0206	20/01/2021	9,25	11,02	11,02	3.800.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	14,95	14,95	1.000.000
13/11/2011	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,30	10,30	200
	TPCP	CP4A2103	10/9/2018	8,84	10,20	10,20	132
12/1/2011	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,11	5,11	6.000.000
	TPCP	TB1015041	13/05/2015	11,33	11,01	11,01	400
	TPCP	CPD1012012	22/03/2012	12,00	10,20	10,20	1.000.000
11/1/2011	TPCP	TP4A4204	17/09/2019	9,00	11,04	11,04	1.900.000
	TPCP	TP4A3904	27/08/2019	9,00	11,04	11,04	3.300.000
	TPCPBL	QHB1020028	22/04/2020	11,50	11,04	11,04	3.100.000
10/1/2011	TPCPBL	VDB110029	24/05/2020	11,60	5,71	5,71	5.000.000
	TPCP	CPB1012010	10/3/2012	12,00	10,30	10,30	1.000.000
	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,55	10,25	2.200.000
10/1/2011	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,02	5,02	6.000.000
	TPCP	QHD0919024	16/11/2019	9,90	9,90	9,90	3.000.000
	TPCPBL	VDB110024	28/05/2020	11,50	11,02	11,02	4.000.000
Tổng khối lượng							42.300.732

Nguồn: HNX 14-1-2010 13:53 GMT+7

III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT THEO TUẦN

HSX

HSX	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	489.22 ↑	7.36	1.53%
KLGD (triệu ck)	181.01 ↓	-9.97	-5.22%
GTGD (tỷ đồng)	4,602.89 ↑	12.86	0.28%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
KDH	42,600	42,000	-1.41	459,699
SSI	31,100	30,300	-2.57	311,121
HAG	80,000	79,500	-0.62	217,345
STB	15,600	15,600	0.00	132,053
VIC	95,500	96,000	0.52	117,601

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
SRC	28,400	34,700	6,300	22.18
NVN	24,700	29,500	4,800	19.43
BVH	71,500	82,000	10,500	14.69
RIC	14,900	16,900	2,000	13.42
UDC	14,000	15,400	1,400	10.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
IJC	18,600	12,700	-5,900	-31.72
VFMVFA	8,800	7,600	-1,200	-13.64
CLW	10,000	8,700	-1,300	-13.00
MDG	20,000	18,200	-1,800	-9.00
TBC	13,900	12,700	-1,200	-8.63

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	87,418	VIC	64,379
PVD	70,529	FPT	58,681
DPM	47,349	HAG	45,306
FPT	46,105	PVD	33,736
BVH	33,052	CTD	22,749

HNX

HNX	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	108.05 ↓	-1.99	-1.81%
KLGD (triệu ck)	137.28 ↓	-18.75	-12.02%
GTGD (tỷ đồng)	2,512.60 ↓	-696.57	-21.71%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	22,200	21,300	-4.05	217,016
PVX	21,500	20,900	-2.79	214,647
KLS	15,400	15,000	-2.60	192,528
SHN	22,700	21,800	-3.96	187,099
VCG	24,000	23,300	-2.92	130,685

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
BSC	12,100	16,600	4,500	37.19
KTT	11,500	14,000	2,500	21.74
MIM	19,100	23,100	4,000	20.94
PVV	14,200	17,000	2,800	19.72
SSG	15,500	18,300	2,800	18.06

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
MIC	63,900	36,500	-27,400	-42.88
MKV	31,100	23,600	-7,500	-24.12
VLA	14,100	11,200	-2,900	-20.57
KST	18,800	15,500	-3,300	-17.55
SDN	19,000	16,500	-2,500	-13.16

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	15,268	PVS	10,061
PVX	11,706	PVX	8,410
VCG	8,944	DBC	5,399
KLS	4,885	VND	4,205
NET	4,840	PVC	2,499

UPCOM

UPCOM	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	45.14 ↑	0.42	0.94%
KLGD (triệu ck)	1.54 ↓	-27.96	-94.78%
GTGD (tỷ đồng)	15.38 ↓	-331.56	-95.57%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
MAX	25,700	28,000	8.95	3,154
VPC	6,100	6,100	0.00	2,481
TGP	6,400	6,000	-6.25	2,020
NT2	10,600	11,400	7.55	1,391
ADP	22,500	22,200	-1.33	692

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
NOS	10,000	15,700	5,700	57.00
ACC	27,000	33,500	6,500	24.07
VCT	10,300	12,400	2,100	20.39
HDM	8,000	9,000	1,000	12.50
PPP	10,000	11,200	1,200	12.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
BMJ	21,900	15,000	-6,900	-31.51
NDC	7,700	5,700	-2,000	-25.97
PTP	8,100	6,100	-2,000	-24.69
ND2	6,900	5,300	-1,600	-23.19
GTH	12,200	9,900	-2,300	-18.85

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VPC	2,335		0
PTD	306		0
HIG	302		0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT PHIÊN CUỐI TUẦN

HSX

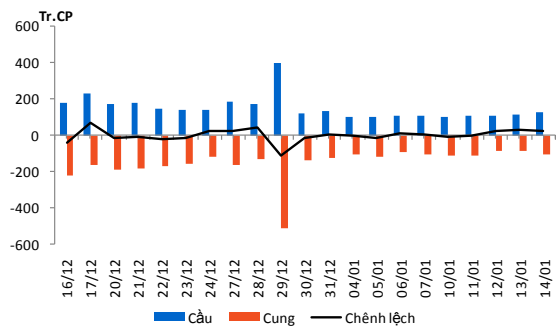
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	489.22 ↑	5.10	1.05%
KLGD (triệu ck)	41.50 ↑	12.43	42.77%
GTGD (tỷ đồng)	1,063.82 ↑	319.74	42.97%
Tổng cung (triệu ck)	64.81 ↑	15.00	30.12%
Tổng cầu (triệu ck)	82.42 ↑	13.22	19.11%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	5.43 ↑	1.45	36.48%
KL bán (triệu ck)	1.95 ↑	0.66	50.85%
Giá trị mua (tỷ đồng)	168.35 ↑	24.67	17.17%
Giá trị bán (tỷ đồng)	57.44 ↓	-7.74	-11.88%

HNX

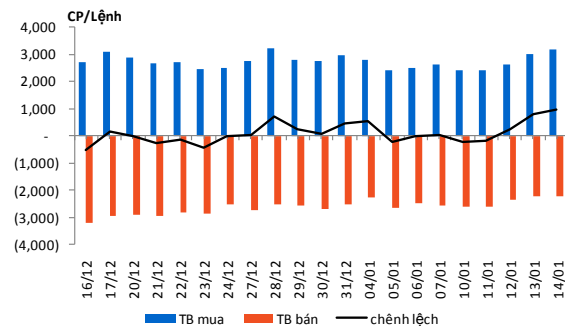
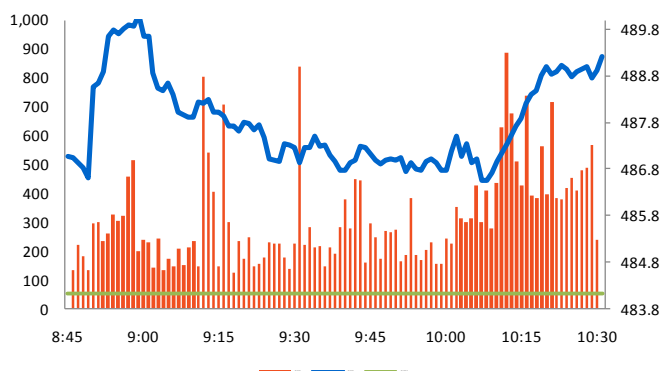
	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	108.05 ↑	0.63	0.59%
KLGD (triệu ck)	25.90 ↑	4.81	22.83%
GTGD (tỷ đồng)	464.73 ↑	80.24	20.87%
Tổng cung (triệu ck)	39.18 ↑	4.70	13.62%
Tổng cầu (triệu ck)	45.87 ↑	1.41	3.17%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.65 ↓	-0.15	-18.66%
KL bán (triệu ck)	0.07 ↓	-0.15	-66.35%
Giá trị mua (tỷ đồng)	13.45 ↓	-3.76	-21.85%
Giá trị bán (tỷ đồng)	1.23 ↓	-2.52	-67.24%

UPCOM

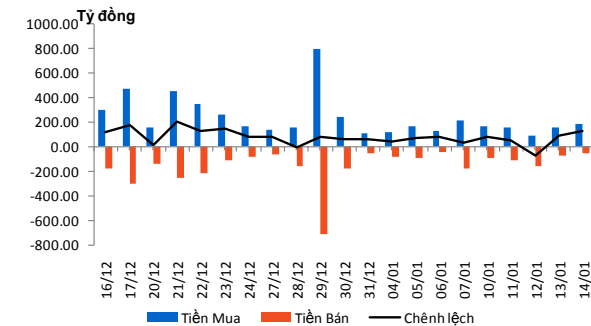
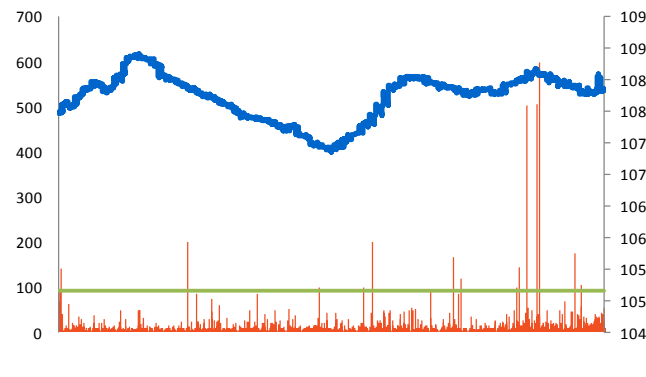
	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	45.14 ↑	0.40	0.89%
KLGD (triệu ck)	0.15 ↓	-0.38	-71.65%
GTGD (tỷ đồng)	1.91 ↓	-2.07	-52.02%
Tổng cung (triệu ck)	0.61 ↓	-0.05	-7.52%
Tổng cầu (triệu ck)	0.74 ↑	0.19	35.29%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.02 ↓	-0.37	-95.63%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.31 ↓	-2.03	-86.93%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



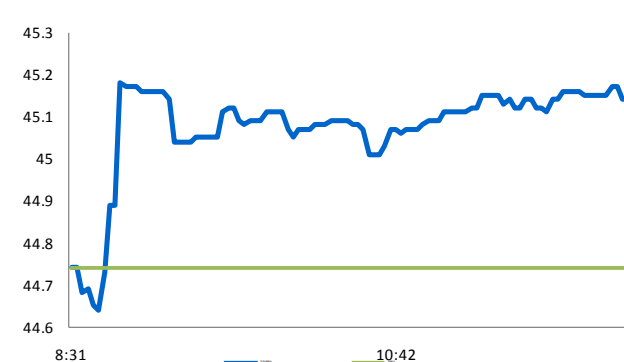
VN-Index



HNX-Index



UPCOM-Index



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HAG	78,500	79,500	1.27	83,350
KTB	25,000	25,200	0.80	52,410
SSI	29,900	30,300	1.34	44,471
ITA	15,700	16,400	4.46	42,254
HQC	38,200	40,100	4.97	35,764

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NKG	25,000	29,900	4,900	19.60
DAG	16,000	16,800	800	5.00
L10	22,000	23,100	1,100	5.00
VID	10,000	10,500	500	5.00
RAL	22,100	23,200	1,100	4.98

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TLG	30,000	28,500	-1,500	-5.00
DLG	28,400	27,000	-1,400	-4.93
TMS	28,000	26,700	-1,300	-4.64
VNL	15,500	14,800	-700	-4.52
IMP	56,000	53,500	-2,500	-4.46

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVD	17,880	EIB	9,300
HAG	17,317	HAG	8,283
KBC	16,436	FPT	6,801
DPM	12,015	DPM	6,348
BVH	9,943	HPG	5,901

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	20,800	21,300	2.40	35,207
KLS	14,600	15,000	2.74	34,816
PVX	20,800	20,900	0.48	34,149
SHN	21,900	21,800	-0.46	27,711
BVS	24,200	23,900	-1.24	25,381

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
MIM	21,600	23,100	1,500	6.94
PVV	15,900	17,000	1,100	6.92
CMI	16,000	17,100	1,100	6.88
KTT	13,100	14,000	900	6.87
DZM	26,600	28,400	1,800	6.77

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VBC	33,300	31,000	-2,300	-6.91
YSC	17,500	16,300	-1,200	-6.86
NHA	29,500	27,500	-2,000	-6.78
DL1	16,300	15,200	-1,100	-6.75
SSG	19,600	18,300	-1,300	-6.63

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVX	4,364	PVI	351
PVS	2,820	PGS	230
KLS	1,325	TV4	176
NET	1,035	TDN	139
VCG	809	IDJ	72

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
ADP	22,200	22,500	1.35	692
PTD	0	11,100	0.00	372
NT2	11,500	11,400	-0.87	171
UDJ	10,700	10,500	-1.87	119
PSB	8,300	8,300	0.00	111

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VT1	16,200	17,800	1,600	9.88
ACC	30,500	33,500	3,000	9.84
HDM	8,200	9,000	800	9.76
VCT	11,300	12,400	1,100	9.73
DGT	7,200	7,900	700	9.72

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
GTH	11,000	9,900	-1,100	-10.00
NBW	17,600	15,900	-1,700	-9.66
BMJ	16,500	15,000	-1,500	-9.09
CLS	8,000	7,400	-600	-7.50
ND2	5,700	5,300	-400	-7.02

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PTD	306		0

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HSX	82.32	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	UPCOM	15	12/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	38	07/01/2011
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
CTCP Gang thép Thái Nguyên	UPCOM	1840	06/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	UPCOM	15.391	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Nhựa Sam Phú	NSP	UPCOM	50.00		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDK	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biên Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999

Chi nhánh Nam Định

Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá

Chi nhánh Nghệ An

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339